

Trong lịch sử Việt Nam có hai cuộc di cư vĩ đại, cả hai cùng đổ lánh nạn cộng sản, vào năm 1954 và 1975



Hình (U.S. Foreign Administration, 1955): Cuộc di cư vĩ đại đầu tiên của dân tộc Việt Nam lánh nạn Cộng Sản vào năm 1954 từ miền Bắc vào miền Nam.

Trong lịch sử Việt Nam có hai cuộc di cư vĩ đại, cả hai cùng đổ lánh nạn cộng sản, vào năm 1954 và 1975. Cuộc di cư 1975, kéo dài tận những ngày tháng 4 cho tới năm 1988, là năm đóng cửa các trại tị nạn ở Đông Nam Á với sự ra đời của Chương trình Ra Đi Có Trật Tự (Orderly Departure Program) sau bao tháng kịch liệt biên vuốt biên vớt với khoong 500 ngàn người bị m&#225;ng trên đ&#225;ng đi tìm t&#225; do, theo m&#225;t th&#225;ng kê của Liên Hiệp Quốc. Cuộc di cư này đã có nhiều sách vở tài liệu cùng với hình ảnh d&#225;y đ&#225;y trong các th&#225; vi&#225;n cũng như trên Internet. Riêng cuộc di cư năm 1954-55 có thể nói là chưa có một tài liệu nào đúc kết lại cho đầy đủ, dù không tr&#225;n v&#225;n, cho tới giờ đây.

Cuốn “Operation Passage to Freedom – The United States Navy in Vietnam, 1954-1955” (Texas Tech University Press, Lubbock, Texas, 2007), tóm tắt là “Chiến Dịch Đ&#225;ng T&#225;i T&#225; Do – Hải Quân Hoa Kỳ t&#225;i Việt Nam, 1954-1955”, do Ronald B. Frankum, Jr. biên soạn, có thể nói là cuốn sách đầu tiên đã cho ta một cái nhìn khá đầy đủ và chi tiết về cuộc di tản kéo dài 300 ngày, từ ngày 15 tháng 8, 1954, gần ba tháng sau khi ngày ký kết sau khi Hiệp Định Geneva chia cắt Việt Nam thành hai miền Bắc, Nam, tới ngày 15 tháng 5, 1955, ngày chiến t&#225;u cuối cùng của Hoa Kỳ rời khỏi miền Đ&#225;ng S&#225;n.

Cuộc di tản này có sự tham gia của 115 chiến hạm và các loại tàu lớn, như khác của Mỹ, và đã chuyên chở trên 310,000 người trong số 800,786 người sống sót di cư, kể cả dân lính quân sự, từ Bắc vào Nam. Số còn lại do các cơ quan của chính phủ Việt, Pháp và Anh đảm trách, bằng phương tiện v&#225;a t&#225;u th&#225;y v&#225;a máy bay, và khoong trên 40,000 người t&#225; t&#225;c bằng các phương tiện riêng. (Table 10.1. Evacuation Totals, May 1955, tr. 205, và Ph&#225; Lạc C, tr. 216).

Cuốn sách dày 250 trang, bìa cứng, gồm 9 chương và một chương kết, và ba phụ lục, đã hoàn thành biên soạn như một phần của lịch sử Hội Quân Hoa Kỳ, đặc biệt như những khía cạnh đóng góp vào các công tác nhân đạo của binh chủng này. Song đây cũng là một tài liệu quý và có lẽ là đặc biệt về cuộc di tản vĩ đại, tuy không bị thông báo về cuộc di tản năm 1975 và những chuyển biến sau đó, cho những nhà viết sử và những người quan tâm tới lịch sử Việt Nam. Bởi vì tập sách không những chép các sự kiện và diễn biến, mà còn kể tới các những nỗ lực để nhấc lên gần 1 triệu người tới miền Nam mới, ít ra là trong thời gian 300 ngày di tản, cho tới khi chuyển tới một vùng Hội Phòng vào ngày 15 tháng 5, 1955 khi bức màn tre buông xuống miền Bắc.

Số gia Frankum cho biết sự dĩ ông quan tâm tới cuộc di tản 1954-55 này vì trong khi nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam và các di sản binh khí thời kỳ chiến tranh Việt Nam, ông nhận thấy biên niên sử di tản này thông thường chỉ đề cập tới qua loa. Vào đầu năm 1998, ông kể trong bài tựa, trong lúc đang ngồi duy trì một số hình ảnh trong bộ sưu tập của Douglas Pike, một nhân viên Bộ Ngoại Giao đã trải qua nhiều năm làm việc và sưu tập các dữ kiện về Đông Nam Á, có một tấm hình đã lôi kéo sự chú ý của ông. Đó là bức hình một bà cụ Việt Nam với khuôn mặt khó chịu tùy vậy quanh bộ một số thời kỳ chiến tranh. Chú thích dưới hình ghi là hình chụp trong chiến dịch di tản của một danh là Passage to Freedom (Đường Tới Tự Do). Bức hình, với nét mặt nói lên một nỗi khổ cực, niềm bàng hoàng kinh nghiệm và trải qua, và một thoáng hy vọng của người đàn bà đã lưu lại trong ký ức Frankum dai dẳng một, hai năm sau đó. Ông bắt đầu một cuộc tìm hiểu về chiến dịch này. “Đi u mà tôi đã học hỏi được sau đó khá sâu, vì rằng một số tài liệu quan trọng về cuộc chiến Việt Nam đã chỉ đề cập qua loa tới chiến dịch Đường Tới Tự Do này.”

Vào đầu năm 2000, ông quyết định dùng chiến dịch này làm nền tảng cho dự án nghiên cứu kể đó của ông. Vào một ngày thứ Sáu, ông lên tìm trên Internet và thấy một số Web sites của các hội cựu chiến binh thu thập một số chiến sĩ Mỹ và đưa ra liên lạc, ông gọi e-mail để tìm và xin liên lạc với những người đã từng tham dự vào chiến dịch Đường Tới Tự Do. “Những hồi âm tôi nhận được vào sáng thứ Hai khi tôi trở lại làm việc đã châm ngòi cho tiến trình hình thành cuốn sách này,” ông Frankum, tác giả của nhiều tập sách biên khảo về chiến tranh Việt Nam, cho biết.

“Chiến Dịch Đường Tới Tự Do là một biên niên [đáng được đề cập tới nhiều] hơn là chỉ những một đơn vị trong cuộc chiến của Mỹ tới Việt Nam,” tác giả viết trong phần đầu tiên. “Đi u với phần lớn người Mỹ, Chiến Dịch Đường Tới Tự Do, nếu có nghĩ tới chẳng, là một ghi chú trong giai đoạn tham dự khi thời kỳ của một cuộc chiến sự xuất chúng của nước Mỹ một thập niên sau đó. Tuy nhiên, đi u với các chàng trai trẻ hồi ấy, giờ đã ở tuổi 70 và 80, những người đã di tản một quố gia vào năm 1954 và 1955, Chiến Dịch Đường Tới Tự Do là đi u một chủ đề của đời họ. Ngay cả 50 năm sau, đi u với những thời kỳ đã phớt lờ trên những con tầu của Task Force 90, biên niên này đã là một trong những đi u một chủ đề của đời họ.”

Cuộc di tản không ngừng đã gây nên tình trạng sâu đậm nơi các thực thể đã tham dự vào chiến dịch di tản vĩ đại này, nó còn thay đổi cuộc đời của gần 1 triệu người ở Bắc di cư, bên cạnh những cuộc đời của 11 triệu người ở miền Nam, sự ra đời của một quốc gia mang tên Việt Nam Cộng Hòa hàng loạt các mặt sống và tiềm năng phát triển. Với sự bảo lãnh của Hoa Kỳ, VNCH đã lôi kéo được nhiều hàng triệu tay kiếm tiền và xây dựng tất cả các nước do trên thế giới. Nếu không vì tham vọng thanh toán miền Nam của Hàn Quốc và sự hỗ trợ của các cường quốc sau đó, có thể VNCH đã trở thành một thế Nam Hàn.

Và, nhìn từ khía cạnh văn hóa, ta đã thấy sự hình thành và phát triển rõ ràng, chắc chắn có trong lịch sử với nhiều khía cạnh, giáo dục, xã hội, và đặc biệt văn hóa nghệ thuật, một điều chắc chắn trong một giai đoạn ngắn có 20 năm, 1954-1975, thời gian chèo đò cho một cá nhân trở nên thành. Những văn hóa này đã nảy nở, phô sự muôn màu muôn vẻ là những đứa con sinh ra trong bầu không khí tự do, lối sống tiếp xúc, nuôi dưỡng bởi những văn hóa tiến bộ trên thế giới đó cũng từ Bắc di cư vào Nam (văn đã bắt đầu chính nơi chôn nhau cắt rốn của nó), phải hiểu vì những văn hóa sống có bằng giờ của miền Nam văn văn những hàng ngàn một không khí tự do của mình hơn ở Bắc trước đó, và bởi vì các mặt tung của ngõ đón nhận các trào lưu từ thế giới và triết lý của phương Tây vô cùng phong phú của thập niên 1950 và 1960.

Trở lại cuộc "Operation Passage to Freedom", Frankum cho rằng Hoa Kỳ đã hành xử trong tình thế trách nhiệm: sau khi đã giúp di tản những người khao khát tự do đông đảo này vào miền Nam (mà nếu để một mình hai chính phủ Pháp và Việt Nam chắc chắn đã không mang được cái biên giới mới mở rộng khi miền Bắc vào Nam này, trong khi Anh quốc cũng chấp tay cầm chèo vì coi đó là văn của Pháp). Để giúp hàng ngàn đò nhấc, Hoa Kỳ đã không thể quay lưng coi như đã hoàn tất phần sự và đã tiếp tục hỗ trợ giúp miền Nam xây dựng nên một quốc gia mới trên căn bản dân chủ tự do, đi nữa mà ai cũng phải công nhận. Sự tham dự tích cực này của Hoa Kỳ là chính là đi nữa mà Hàn Quốc đã khôn khéo khai thác tuyên truyền cho chiêu bài chiến tranh giới phóng của hàng vài năm sau đó, để ngấm khi nào cho nhiều người ở miền Nam cũng chấp nhận chiêu bài này một cách tình cờ hay vô thức. Tôi vẫn nghĩ, cũng như với chiến dịch Đàng Trong Tội Tội Do ít được tiếp cận một cách chi tiết, công lao đáng kể của một biên giới người của chính phủ Ngô Đình Diệm hình như vẫn chưa được nghiên cứu tìm hiểu về tình trạng. Và tôi cũng rất tò mò muốn biết báo chí Miền Nam lúc này đã tường thuật ra sao về cuộc di cư hàng loạt này, cũng như công cuộc đò nhấc sau đó.

Độc "Operation Passage to Freedom" tôi có cái thích thú, ngoài một thẩm mỹ mà phần lớn di tản kiếm tiền, của người ở đó cũng nghe kể những chuyện của hàng đò cũng nghe hay chấp nghe biết lỗi bõm đầu đó mới nên một chút, với một biên giới đã thay đổi của cuộc đời của bao nhiêu triệu con người. Những chuyện này như tôi nói, quan trọng thì tôi biết, mà Frankum đã tìm thấy qua những văn bản chính thức, bản tường trình, thư trao đổi giữa các nhân vật trong thời gian liên hệ được lưu trữ trong văn khố của Hội Quân và Thế Giới Quốc Hội, và qua những cuộc phỏng vấn với các cựu thực tiễn hiện còn sống và đã có mặt trên 100 chiến sĩ hiện tại của dân di cư suốt

300 ngày ng&#225;c xuôi hai mi&#225;n B&#225;c Nam. Có nh&#225;ng tài li&#225;u ghi l&#225;i l&#225;i k&#225;c a các nhân ch&#225;ng v&#225; nh&#225;ng ng&#225;n ch&#225;n, tuyên truy&#225;n (nh&#225; vi&#225;c s&#225; b&#225; th&#225;y th&#225; M&#225; ném xu&#225;ng bi&#225;n m&#225;t khi t&#225;u nh&#225; neo ra kh&#225;i n&#225;u ghi danh di c&#225;, ch&#225;ng h&#225;n), phá ho&#225;i, k&#225;c vi&#225;c đòi n&#225;p ti&#225;n mua gi&#225;y t&#225; di chuy&#225;n, c&#225;a Vi&#225;t Minh, khi&#225;n nhi&#225;u v&#225;n ng&#225;i đã b&#225; k&#225;t l&#225;i.

M&#225;t trong nh&#225;ng chi ti&#225;t tôi không kh&#225;i b&#225;t c&#225;i, bên c&#225;nh nh&#225;ng cái nh&#225;u m&#225;y không tránh kh&#225;i tr&#225;c nh&#225;ng bi&#225;n c&#225; l&#225;ch s&#225; t&#225;ng đã v&#225;i sâu chôn ch&#225;t sau c&#225; h&#225;n n&#225;a th&#225; k&#225;: Đó là chuy&#225;n (m&#225;c dù Pháp đã h&#225;a s&#225; cung c&#225;p thông d&#225;ch viên, nh&#225;ng đã không đáp &#225;ng) thi&#225;u ng&#225;i trên tàu M&#225; bi&#225;t ti&#225;ng Vi&#225;t cũng nh&#225; ti&#225;ng Pháp, ho&#225;c bi&#225;t ti&#225;ng Pháp mà là th&#225; ti&#225;ng Pháp h&#225;c &#225; trung h&#225;c ch&#225;ng ai hi&#225;u; và không có ng&#225;i bi&#225;t ti&#225;ng Anh bên phía dân di c&#225;. V&#225;y làm sao đ&#225; nói chuy&#225;n, truy&#225;n đ&#225; thông tin c&#225;n thi&#225;t n&#225;i t&#225;u b&#225;c ng&#225;i, trong lúc trên t&#225;u cho chuy&#225;n h&#225;i hành ba ngày vào Nam, và t&#225;i n&#225;i đ&#225; ng&#225;i xu&#225;ng b&#225;n? Bên phía M&#225; ch&#225;t có ng&#225;i khám phá ra m&#225;y ông linh m&#225;c Vi&#225;t là nh&#225;ng ng&#225;i bi&#225;t ti&#225;ng La tinh, m&#225;t ng&#225;n ng&#225; đã ch&#225;t không còn m&#225;y ai dùng; và trên t&#225;u M&#225; tình c&#225; có m&#225;y ông tuyên úy đ&#225;o Thiên Chúa cũng ph&#225;i bi&#225;t ti&#225;ng La tinh. M&#225;t th&#225;y th&#225; nh&#225; l&#225;i trong m&#225;t cu&#225;c ph&#225;ng v&#225;n v&#225;i Frankum là ti&#225;ng La tinh do đ&#225;y đã có lúc đ&#225;c x&#225; đ&#225;ng trong chi&#225;n đ&#225;ch di t&#225;n và anh ta nghĩ là th&#225;t n&#225;c c&#225;i khi m&#225;t t&#225;ng đã đ&#225;c đ&#225;ng đ&#225;y đ&#225; làm ph&#225;ng ti&#225;n truy&#225;n thông. Tuy nhiên, không ph&#225;i t&#225;u nào cũng có cái may m&#225;n xa x&#225; có đ&#225;c m&#225;t ông tuyên úy nói đ&#225;c t&#225;ng này. Do đ&#225;y nói chuy&#225;n b&#225;ng tay tr&#225; thành ng&#225;n chung.

Cu&#225;n sách, v&#225;i l&#225;i gi&#225;i thi&#225;u c&#225;a Ti&#225;n sĩ James R. Reckner, ch&#225; bút nhà xu&#225;t b&#225;n Texas Tech University Press, đ&#225;c trình b&#225;y theo th&#225; t&#225; th&#225;i gian c&#225;a các di&#225;n bi&#225;n c&#225;a các bi&#225;n c&#225; và s&#225; vi&#225;c, nên khá đ&#225; đ&#225;c, v&#225;i Ch&#225;ng 1 mang t&#225;a là Đ&#225;ng t&#225;i Geneva (Road to Geneva); Ch&#225;ng 2 Kh&#225;ng Ho&#225;ng Gia Tăng (The Growing Crisis); Ch&#225;ng 3 T&#225; Ch&#225;c Di T&#225;n (Organizing the Passage); Ch&#225;ng 4 M&#225;t Bi&#225;n Ng&#225;i, Tháng 8, 1954 (A Mass of Humanity, August 1954); Ch&#225;ng 5 Thách Th&#225;c Trên B&#225;, Tháng 8, 1954 (Challenges by Land); Ch&#225;ng 6 T&#225; Hà N&#225;i t&#225;i H&#225;i Phòng: Vòng Tròn Khép L&#225;i (Hanoi to Haiphong: The Circle Closes); Ch&#225;ng 7 Cu&#225;c Đ&#225;nh C&#225; M&#225;t Qu&#225;c Gia (Resettling a Nation); Ch&#225;ng 8 T&#225; Hà N&#225;i T&#225;i H&#225;i Phòng: M&#225;t Đ&#225;t N&#225;c Trong Chuy&#225;n Ti&#225;p (Hanoi to Haiphong: A Country in Transition); Ch&#225;ng 9 Chuy&#225;n Ti&#225;p và Đ&#225;i Thay (Transitions and Change); và ph&#225;n K&#225;t Lu&#225;n B&#225;c Màn Tre Bu&#225;ng Xu&#225;ng (The Bamboo Curtain Falls).

Trong ch&#225;ng k&#225;t, Frankum có vi&#225;t m&#225;t đ&#225;n khi&#225;n ng&#225;i đ&#225;c không kh&#225;i ng&#225;m ng&#225;i: “Chuy&#225;n t&#225;u M&#225; cu&#225;i cùng, chi&#225;c General Brewster, r&#225;i c&#225;ng H&#225;i Phòng đúng h&#225;n vào ngày 13 tháng 5 [1955], h&#225;ng v&#225; Đ&#225; S&#225;n đ&#225; b&#225;c l&#225;c l&#225;ng an ninh và đ&#225; ph&#225; từng cu&#225;i cùng c&#225;a Pháp, cùng v&#225;i nhóm kho&#225;ng 10 ng&#225;i t&#225;n đã b&#225; tr&#225;n kh&#225;i vùng Vi&#225;t Minh. Trong đám 10 ng&#225;i này có m&#225;t ng&#225;i cha và cô con gái đã ph&#225;i l&#225;u l&#225;i Hà N&#225;i vì ng&#225;i m&#225; không ch&#225;u b&#225; mi&#225;n B&#225;c di c&#225;. Hai cha con này, nh&#225;ng ng&#225;i di c&#225; chính th&#225;c cu&#225;i cùng theo Hi&#225;p Đ&#225;nh Geneva, đành b&#225; l&#225;i ng&#225;i m&#225; Hà N&#225;i h&#225;n là ph&#225;i s&#225;ng đ&#225;i s&#225; đ&#225; h&#225;c a Vi&#225;t Minh. S&#225; chia c&#225;t gia đ&#225;ngh này t&#225;ng tr&#225;ng cho giai đ&#225;an 1954 và 1955 khi Đông D&#225;ng b&#225; chia thành B&#225;c và Nam. Ph&#225;n l&#225;n nh&#225;ng ng&#225;i

## 55 Năm Ngày Kẹt Thúc Cuộc Di Cư Vĩ Đại 1954

T&#225;c Gi&#7843;: Trùng D&#223;ng

Ch&#250;a Nh&#7853;t, 23 Th&#225;ng 5 N&#259;m 2010 20:28

---

bà miến Bắc ra đi vào Nam đã bị lôi đi ngay sau vài ngày thân trong gia đình họ cũng mất tiên h. Đi về những người này đi t n c th c s b chia c t và ch có th tr l i nguyên v n khi nào Việt Minh bắt đánh bại và họ đ c tr v n i chôn nhau c t r n. Đi về những người này, gi c m h i h ng y đã không bao giờ trở thành hi n th c, và đi về những người sống sót cuộc chiến t i ngày 30 tháng 4, 1975, kinh nghiệm di cư Đ ng T i T Do – m t m c đ tàn kh c và vô t ch c h n nhi u—l i đã tái di n. Những người Việt Nam bị miền Bắc ra đi ch b m t nhà. Năm 1975, h m t c quê h ng.” (tr. 205).

Đ c ‘Chi n D ch Đ ng T i T Do’, 1954-1955